

BÁO CÁO

Tình hình triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Công văn số 1454/VPUBND-KGVX ngày 24/3/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chuẩn bị nội dung làm việc của Thường trực UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số 2023.

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

I. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1.1. Đánh giá thực trạng chuyển đổi số tỉnh, có so sánh với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu của Chính phủ giao;

a. Công tác tham mưu chỉ đạo điều hành: Trong năm 2022, Sở đã tham mưu ban hành 01 Nghị quyết; 07 Quyết định; 06 Kế hoạch; 01 Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa UBND tỉnh và Tập đoàn FPT. (Phụ lục 1 kèm theo)

b. Nhiệm vụ, mục tiêu theo Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030:

STT	Nội dung	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Kết quả đạt được
I	Phát triển Chính quyền số			
1	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp	80%	90%	chưa triển khai
2	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	70%	chưa triển khai
3	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	60%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)

4	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến <i>mức độ 4 (toàn trình)</i>	100%	100%	100%
5	Hồ sơ (thủ tục hành chính) giải quyết trực tuyến	50%	60%	46,6% (3 tháng đầu 2023 đạt 72,9%)
6	Thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	60%	100%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)
7	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	60%	100%	100%
8	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	90% 80% 65%	100% 100% 80%	98% 96% 90%
9	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	80%	100%	100%
10	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	-	100%	100%
11	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử (<i>KH Phát triển KT-XH 2021-2025 Ban hành kèm theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23/12/2020</i>)	90%	-	30% (năm 2022: 40%)
II	Phát triển kinh tế số			
1	Tỷ lệ GRDP kinh tế số	10%	20%	ước đạt từ 4-5%
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	20%	chưa có số liệu
III	Phát triển xã hội số			

1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình, đến xã.	80% 100%	100%	78,9% 100%
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh, thử nghiệm các công nghệ mới			Tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử (người dân từ 15 tuổi trở lên)	50%	80%	68,07%

c. Mục tiêu theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022:

- Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, phường, xã, tổ, đội:

+ Đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại 11/11 huyện với tổng cộng 6.517 thành viên. Đã tổ chức tập huấn và hướng dẫn cài đặt, sử dụng các nền tảng số bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp như tạo tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt (VNPT Pay, Viettel Money, ...), Sổ sức khỏe điện tử, Bảo hiểm xã hội (VssID)...

- Triển khai các nền tảng số quốc gia ưu tiên sử dụng do Bộ, ngành Trung ương triển khai với 878 học viên tham gia bằng hình thức trực tuyến trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các địa phương, trường học, cơ sở y tế, bệnh viện trên địa bàn tỉnh qua chuyển khoản và thẻ POS tại Bệnh viện Hạnh Phúc, Bệnh viện Nhật Tân, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, Bệnh viện Sản Nhi,...

- Triển khai thực hiện xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang:

+ Tổng số hệ thống thông tin: 39;

+ Tổng số hệ thống thông tin đã được phân loại (đã xác định được loại hình hệ thống thông tin): 39, đạt tỉ lệ 100%;

+ Tổng số hệ thống thông tin đã xây dựng HSDXCĐ: 39, đạt tỉ lệ 100%;

- Tổng số HSDXCĐ đã được phê duyệt: 37, đạt tỉ lệ: 94,8%;

+ Tổng số HSDXCĐ đã được thẩm định: 02 (Mạng TSLCD Cấp II của Viễn thông An Giang và Viettel An Giang);

- Đã thực hiện triển khai hệ thống trả lời thủ tục hành chính tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hỗ trợ phục vụ người dân, doanh nghiệp giải đáp thắc mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đã thực hiện kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC).

- Đã thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh An Giang (Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

d/ Mục tiêu theo Quyết định số 88/QĐ-BCĐCDS ngày 09/6/2022 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022:

TT	Nội dung	Mục tiêu 2022	Kết quả	Ghi chú
I	Phát triển hạ tầng số			
a)	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	85%	69,2%	Chưa đạt
b)	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	75%	83,06%	Vượt mục tiêu
II	Phát triển chính phủ số			
a)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	80%	93%	Vượt mục tiêu
b)	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	50%	46,6% 72,9%	Chưa đạt 3 tháng đầu 2023
c)	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh từ ngày 01 tháng 6 năm 2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01 tháng 12 năm 2022)	100%	100%	Đạt mục tiêu
d)	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến	50%	100%	Vượt mục tiêu
đ)	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng)	50%	33%	Chưa đạt
III	Phát triển kinh tế số và xã hội số			
a)	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30%	30%	Đạt mục tiêu
b)	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%	Đạt mục tiêu
c)	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	50%	-	chưa có số liệu

d)	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	7%	-	chưa có số liệu
đ)	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	65-70%	68,07%	Đạt mục tiêu

e. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh:

- Hệ thống cung cấp đầy đủ thông tin TTHC hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng và đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành; tính đến ngày 16/3/2023, Hệ thống đã cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.079 dịch vụ.

- Trong đó: số lượng dịch vụ công mức độ 3 (dịch vụ công trực tuyến một phần) là 606 dịch vụ, dịch vụ công mức độ 4 (dịch vụ công trực tuyến toàn trình) là 976 dịch vụ, tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn là 95,4%; Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận 124.518 hồ sơ; Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến là 90.822 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 72,9%; Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và không trực tuyến) đạt 81,8%.

- Đã thực hiện kết nối, đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia, thực hiện kiểm thử và công khai 1.493 dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 100% (trừ những thủ tục đang sử dụng phần mềm chuyên ngành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải); kết nối với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đã thực hiện triển khai thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành (QLVBĐH):

- Hệ thống QLVBĐH đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, các quy trình quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

- Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%.

Trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP):

- Thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nội bộ tỉnh như: Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở KHĐT); Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường;

- Liên thông qua Trục kết nối liên thông quốc gia (NDXP) như: Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, phần mềm đăng ký, quản lý Hộ tịch trực tuyến: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử); Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH); Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov); Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS); Bộ Công an (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).

- Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam hiện hành.

Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS):

- Đã triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh được Văn phòng Chính phủ giao đến Hệ thống báo cáo Chính phủ thông qua Hệ thống báo cáo LRIS của tỉnh nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ báo cáo của CQNN được thực hiện trực tuyến đạt 100% (hiện nay các báo cáo được yêu cầu thực hiện qua hệ thống LRIS do VPUBND tỉnh quản lý).

Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)

* IOC tỉnh An Giang:

- Ngày 20/6/2022, UBND tỉnh An Giang phối hợp Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) tổ chức Lễ ra mắt vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh đang vận hành thử nghiệm với 10 lĩnh vực với 08 nhân sự tham gia tiếp nhận thông tin. Tuy nhiên, hiện nay, lĩnh vực lưu trú không cung cấp vì đã chuyển sang Bộ công an quản lý).

* IOC huyện, thị, thành: đã có 08/11 huyện, thị, thành phố đã ra mắt IOC và còn 3 đơn vị chưa có IOC là: Thành phố Châu Đốc, huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên.

g. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp:

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký tài khoản đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp (Digital Business Indicators) tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn/>.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30% so với mục tiêu 30% năm 2022 (*như: thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng mạng xã hội để trao đổi, quảng bá hình ảnh (ZALO, Facebook,...), họp trực tuyến (zavi, zoom, google meet,...)*)

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

h. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh.

- 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Hiện trạng hạ tầng:

+ Trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS): 2.160;

+ Thuê bao điện thoại di động: 2.471.745;

+ Thuê bao băng rộng cố định: 439.758;

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng smartphone: 66,2%;

+ Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 78,91%;

+ Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang.

1.2. Dự án quan trọng cốt lõi của Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023.

Tình hình triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình chuyển đổi số (Phụ lục 2 đính kèm).

Năm 2023 là năm dữ liệu số, nên các dự án trọng tâm của chuyển đổi số năm 2023 được nêu tại Phụ lục 3 của Kế hoạch 902/KH-UBND ngày 30/12/2022 về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2023 (đính kèm);

+ Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang: Dự án đã có chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 09/8/2022

của UBND tỉnh An Giang về việc chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang. Tổng mức đầu tư dự án: 41.928 triệu đồng (Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh 2021-2025). Sở TT&TT đang hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực: Dự án đã có chủ trương đầu tư tại Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực”. Tổng mức đầu tư dự án: 18.809 triệu đồng (Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh 2021-2025). Sở TT&TT đã trình Sở KH&ĐT thẩm định để làm căn cứ trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án.

Ngoài ra, thực hiện theo nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 (dự thảo) có nội dung An Giang "Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm nhân rộng trên phạm vi toàn quốc" và Triển khai thí điểm xã nông thôn mới thông minh (xã Thoại Giang) theo Quyết định số 969/QĐ-BNN-VPĐP ngày 16/3/2023 về Phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Đợt 1);

1.3. Giải pháp nâng cao chỉ số DTI của tỉnh năm 2023 và các năm tiếp theo.

Thực hiện chuyển đổi số trên 3 trụ cột Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Với nhiệm vụ trọng tâm của Chính quyền số là lấy người dân làm trung tâm; nâng cao năng lực quản trị và dự báo tình hình tốt hơn thì thực hiện tốt Cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; năng lực quản trị và dự báo phải dựa vào Bigdata, AI...; Kinh tế số nhằm giúp phát triển doanh nghiệp và tăng trưởng GDP tỉnh; Xã hội số là triển khai các nền tảng số, giúp người dân sử dụng các tiện ích do CQNN, DN triển khai, nâng cao dân trí; rút ngắn khoảng cách giữa người dân nông thôn và thành thị khi sử dụng các nền tảng số.

Năm 2021, An Giang xếp hạng 42/63 với tổng điểm 346,2 điểm. Điểm tự chấm năm 2022 là 531,17 điểm (tăng 84,97 điểm) và tiếp tục cập nhật bổ sung số liệu theo văn bản 320/CĐSQG-DVS ngày 31/3/2023.

- Tiếp tục duy trì các chỉ tiêu đạt điểm và các giải pháp kèm theo trong Phụ lục 4 (đính kèm);

- Cần triển khai các nhiệm vụ như:

+ Nâng cấp trực LGSP;

- + Số hóa;
- + Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh;

1.4. Cơ chế pháp lý, nguồn kinh phí triển khai

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019, của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước quy định:

Điều 53. a) *Cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc tiến hành thẩm định kế hoạch thuê trước khi phê duyệt (sau đây gọi là đơn vị đầu mối thẩm định);*

b) *Đơn vị đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê lấy ý kiến của đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin;*

c) *Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê yêu cầu đơn vị sử dụng ngân sách được giao nhiệm vụ thuê dịch vụ (sau đây gọi tắt là chủ trì thuê) lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung quy định tại khoản 3 Điều 56 Nghị định này.”*

Trong khi tại **Điều 4, Điều 5** Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND, có quy định:

“b) *Đối với việc mua sắm tài sản không theo phương thức tập trung cấp tỉnh:*

- *Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:*

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. *Đối với thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:*

a) **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.**

Từ 02 quy định trên đã có sự không đồng nhất về đơn vị chủ trì thẩm định kế hoạch thuê trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt. (Đề xuất chủ trương tại Phụ lục 5 đính kèm).

1.5. Khó khăn, vướng mắc:

- Một số nội dung mục tiêu đề ra, Bộ, ngành TƯ chưa hướng dẫn xác định được cách thức thu thập thông tin đánh giá tỷ lệ (Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực).

- Sự quan tâm, chỉ đạo đối với công tác chuyển đổi số của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao dẫn đến việc triển khai các nhiệm vụ đề ra còn chậm trễ so với quy định như: cung cấp chỉ số DTI, cung cấp số liệu về viễn thông công ích, triển khai xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin, triển khai hướng dẫn khai thác CSDL quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, quy trình gửi nhận văn bản điện tử, cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT, trang thiết bị phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở bộ phận một cửa các cấp; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được nhập và xử lý trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chưa đảm bảo,...

- Nguồn lực tài chính của Tỉnh còn hạn chế, nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án của ngành ít so với yêu cầu; vì vậy, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai các nhiệm vụ của ngành trong Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh; các dự án hầu như phải phải lùi thời gian triển khai, hiện tại có 02 được ghi vốn chuẩn bị cho năm 2023 (dự án Triển khai trung tâm dữ liệu và IOC tỉnh; dự án Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực).

- Về đảm bảo an toàn, an ninh mạng: Công tác đảm bảo an toàn thông tin tại một số cơ quan, cũng như việc rà soát, cập nhật lỗ hổng bảo mật theo hướng dẫn của Đội ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh An Giang mất nhiều thời gian (phải thực hiện trên từng máy), trong khi số lượng cán bộ CNTT tại đơn vị ít nên việc tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng công chức chuyên trách/ phụ trách về CNTT ở cấp huyện và xã còn rất thấp, công chức kiêm nhiệm chưa có kiến thức chuyên sâu và thường xuyên thay đổi vị trí công tác dẫn đến việc công chức mới phụ trách còn gặp những khó khăn nhất định.

- Thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt vẫn còn một số hạn chế: Sức cạnh tranh của các sàn thương mại điện tử của Việt Nam còn hạn chế; Cần nhiều thời gian, nguồn lực để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp việc đưa sản phẩm, hàng hóa lên các sàn giao dịch thương mại điện tử (quá trình doanh nghiệp đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch thương mại điện tử còn gặp khó khăn do doanh nghiệp chưa có sự chuẩn bị kỹ càng về sản phẩm, mẫu mã, bao bì, hình ảnh cũng như chưa nắm vững các bước, hồ sơ để có thể đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử); Chất lượng hàng hóa, dịch vụ trong thương mại điện tử vẫn chưa được kiểm soát tốt, cơ chế đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng còn hạn chế... điều này cũng tạo nhiều tâm lý hoang mang, e ngại cho việc thúc đẩy thương mại điện tử, thanh toán không tiền mặt; Các ví điện tử vẫn chưa liên thông, chưa giao dịch được với nhau; Các phí phát sinh khi giao dịch chưa thật sự thu hút đối với người có thu nhập thấp;

- Đối với thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở y tế: Đặc thù của bệnh viện là chi phí tạm ứng liên tục, hiện tại các ngân hàng vẫn tính phí như một giao dịch, phát sinh chi phí giao dịch theo quy định hiện hành.

- Điều kiện về thiết bị cũng như trình độ, kỹ năng khai thác sử dụng các nền tảng số của người dân vẫn còn hạn chế, còn tâm lý e ngại; ứng dụng các phần mềm Dịch vụ công trong giải quyết thủ tục hành chính phần lớn vẫn nhờ cán bộ tại bộ phận một cửa nhập hồ sơ lên cổng dịch vụ công.

- Biên chế còn ít so với nhiều nhiệm vụ, công việc mới phát sinh theo sự phát triển ngành.

- Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai các thủ tục để thực hiện Quyết định 313/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh nguồn kinh phí và thời gian thực hiện Đề cương và dự toán chi tiết hạng mục "Nâng cấp trực tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư", tuy nhiên chưa được phân bổ kinh phí thực hiện. Do đó, đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp bổ sung kinh phí cho nhiệm vụ này.

- Triển khai Nghị quyết 01-NQ/TU và Chương trình số 553/Ctr-UBND đang gặp khó khăn khi thực hiện và Sở TTTT có buổi trao đổi với Sở Tư pháp về thực hiện 02 văn bản trên theo hướng hợp nhất nội dung Nghị quyết 01-NQ/TU vào Chương trình 553/Ctr-UBND tỉnh thành một Chương trình mới (trao đổi cùng đ/c Thom - Trưởng phòng XDKT & TDTHPL)

- Thí điểm triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây lúa trên địa bàn tỉnh, hướng tới có thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc cơ bản đã hoàn thành năm 2022, dự kiến sẽ tiếp tục giao tỉnh An Giang "Tổ chức triển khai Nền tảng giám định sinh vật gây hại cho cây trồng trên địa bàn tỉnh, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm nhân rộng trên phạm vi toàn quốc" (theo dự thảo Kế hoạch hoạt động của UBQGCĐS năm 2023); dự kiến kinh phí cao (theo Viettel khoảng 10 tỷ đồng).

Đến nay, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành hướng dẫn chi tiết các nội dung triển khai CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Từ đó, sở chưa triển khai được nhiệm vụ ngành tại tỉnh (Vốn sự nghiệp và vốn đầu tư).

1.5. Đề xuất, kiến nghị.

- Hiện nay, tỉnh có 08 doanh nghiệp viễn thông, theo thống kê 2022, ước tính doanh thu của 06 doanh nghiệp viễn thông lớn đạt trên 2.544 tỉ, nộp thuế trên 68 tỉ tương ứng chỉ chiếm khoảng 2,7% doanh thu. Tuy nhiên, hầu hết các Doanh nghiệp lớn đều nộp doanh thu về Tổng công ty nên không nộp tại địa phương sẽ ảnh hưởng đến chỉ số GRDP của tỉnh. Do đó, đề xuất lãnh đạo UB làm việc, vận

động các tổng tập đoàn để lại nguồn thu tại địa phương, hoặc tăng cường đầu tư, hỗ trợ các dự án cho địa phương để đảm bảo phát triển bền vững.

- Để thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số thì cần thành lập Hội tin học tỉnh An Giang để thực hiện các nhiệm vụ triển khai các ứng dụng, công nghệ mới, chuyển đổi số từ sự hỗ trợ của Hội tin học Việt Nam, Hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh cho tỉnh An Giang trong thời gian tới.

- Đề xuất có chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức tham gia trực tại Trung tâm IOC tỉnh vì hiện nay đa số công chức, viên chức kiêm nhiệm từ các đơn vị như TTCNTT&TT- Sở TTTT, TTCB-TH, VNPT AG và về lâu dài khi vận hành chính thức thì cần có công chức, viên chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm IOC tỉnh.

- Chủ trương UBND tỉnh:

+ Đối với quản lý dự án ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Giao đơn vị đầu mối thẩm định Dự án Công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Giao đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin trực thuộc thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở dự án.

+ Đối với quản lý hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước. (Kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng).

Giao đơn vị chuyên môn trực thuộc làm đơn vị đầu mối thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ CNTT sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

Giao đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin tham gia thẩm định kế hoạch thuê.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2023

Nhiệm vụ trọng tâm của ngành TT&TT năm 2023 theo Kế hoạch số 40/KH-STTTT ngày 15/3/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông với 30 chỉ tiêu, 161 nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực. (Đính kèm Kế hoạch số 40/KH-STTTT).

- Tham mưu ban hành Quyết định bổ sung nội dung Chương trình số tỉnh An Giang nhằm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022; tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt tỉ lệ mục tiêu đề ra.

- Triển khai Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang;

- Triển khai Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh An Giang (SOC)
- Triển khai CSDL chuyên ngành của các đơn vị như y tế, giáo dục, nông nghiệp;
- Triển khai Công dữ liệu mở trong CQNN.
- Triển khai IPv6, xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh ban hành đề thực hiện năm 2023 theo Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ TTTT Phê duyệt "Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025".
- Triển khai thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về Chuyển đổi số tại phiên họp lần thứ 5.
- Xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2023 (khi được ban hành);
- Triển khai thí điểm mở rộng (giai đoạn 3) giải pháp giám sát an toàn thông tin và xử lý mã độc (Viettel Endpoint Detection & Response) theo văn bản số 996/VPUBND-KGVX ngày 06/3/2023 đã được Phó chủ tịch UBND tỉnh Trần Anh Thư thống nhất triển khai theo Kế hoạch số 23/STTTT-TTCNTT&TT ngày 14/02/2023);
- Phát triển không gian số tỉnh An Giang dự kiến ra mắt vào tháng 4 - 5 năm 2023.
- Khu Công nghệ thông tin tập trung: phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện giải phóng mặt bằng và san lấp mặt bằng Khu Công nghệ thông tin tập trung (dự kiến quý IV san lấp mặt bằng).
- Tổ chức triển khai “Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2023 và giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh An Giang (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)”; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; CTMTQG Xây dựng nông thôn mới.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch và Sở tổ chức triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 924/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025".
- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch Thuê dịch vụ cung cấp, triển khai tập huấn, vận hành sử dụng phần mềm một cửa, một cửa liên thông điện tử triển khai

toàn tỉnh An Giang và thuê hệ thống camera quan sát tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang giai đoạn năm 2023-2029 (60 tháng).

III. TỔ CHỨC BỘ MÁY SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VÀ NĂN LỰC THAM MUÙ ĐIỀU HÀNH NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Thực trạng cơ cấu tổ chức bộ máy

Tổng số phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc sở: 06, gồm:

- Ban Giám đốc.
- Khối hành chính gồm 05 phòng chuyên môn: Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông; Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản; Thanh tra; Phòng Kế hoạch – Tài chính và Văn phòng.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

2. Tình hình quản lý và sử dụng biên chế

2.1. Biên chế hành chính: 30 biên chế, trong đó:

- Ban Giám đốc: 04 biên chế (có mặt 02: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc).
- Phòng Công nghệ thông tin - Bưu chính – Viễn thông: 07 biên chế.
- Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 04 (do 01 công chức chuyển công tác)
- Thanh tra: 03 biên chế.
- Phòng Kế hoạch – Tài chính: 05 biên chế.
- Văn phòng: 06 biên chế.

Tổng số có mặt tại các phòng, đơn vị theo số lượng như trên;

Riêng đối với biên chế Ban Giám đốc Sở còn khuyết 02 Phó Giám đốc.

2.2. Biên chế đơn vị sự **ngiệp: 32 biên chế**

- Ban Giám đốc : 03 người; có mặt 02 người
- Phòng Hành chính – Tổng hợp: 07 người; có mặt 03 người
- Phòng Hạ tầng – An toàn thông tin: 07 người; có mặt 03 người
- Phòng Phát triển nội dung số: 07 người; có mặt 05 người
- Phòng Dịch vụ – Thông tin truyền thông: 03 người.

Hiện tại, tổng số người làm việc có mặt 28 người, trong đó biên chế viên chức có mặt 16 người, hợp đồng vụ việc 12 người;

3. Trình độ chính trị, học vấn và chuyên môn:

- Chính trị:
- + Cao cấp: 10 người, chiếm tỷ lệ 18%.

- + Trung cấp: 13, chiếm tỷ lệ 23%.
- + Sơ cấp: 28, chiếm tỷ lệ 49%.
- Học vấn:
- + Trung cấp: 03, chiếm tỷ lệ 5%.
- + Cao đẳng, đại học: 45, chiếm tỷ lệ 79%
- + Sau đại học: 06, chiếm tỷ lệ 11%.

Đa số công chức, viên chức là chuyên ngành công nghệ thông tin

4. Khó khăn:

- Về tổ chức, bộ máy: Bộ máy lãnh đạo quản lý của Sở vẫn chưa được kiện toàn, trong đó có Ban Giám đốc Sở còn thiếu 02 Phó Giám đốc.
- Về năng lực tham mưu, điều hành nhiệm vụ: Hiện nay Sở được giao nhiệm vụ nhiều, nhưng biên chế được giao còn hạn hẹp (năm 2005 được giao 33 biên chế, thực hiện tinh giản giai đoạn 2015-2020 là 03 biên chế, giai đoạn 2021-2026 là 01 biên chế), năm 2023 được giao 30 biên chế; bên cạnh đó công chức, viên chức Sở đa số đều tốt nghiệp chuyên ngành CNTT; để đảm bảo nguồn nhân lực tham mưu, thực hiện tốt các nhiệm vụ của ngành; cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên môn như: Bru chính, viễn thông, báo chí, xuất bản, luật,...

5. Đề xuất, kiến nghị:

- Về tổ chức, bộ máy: sớm hỗ trợ kiện toàn Ban Giám đốc để đảm bảo cho công tác lãnh đạo, quản lý cơ quan.
- Về năng lực tham mưu, điều hành nhiệm vụ: tham mưu đề xuất UBND tỉnh các chương trình, Kế hoạch đào tạo chuyên ngành, chuyên sâu các lĩnh vực của ngành thông tin và truyền thông hay đào tạo văn bằng 2 các lĩnh vực: Bru chính, viễn thông, báo chí, xuất bản, luật,...

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở TTTT: BGĐ, các phòng và Trung tâm;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Cường